

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2023/DS-ST
Ngày 28-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mạc Hoàng Nhũ.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 507/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tứ H, sinh năm 1991 (vắng mặt).

2. Bà Cao Thị Cẩm T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm Y, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2023 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày: Vào ngày 01 tháng 4 năm 2022, bà Cao Thị Cẩm T có vay của ông số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng 1,66%, quá trình vay tiền bà T có ký vào biên nhận và cam kết thanh toán vào ngày 01 tháng 5 năm 2022. Sau khi vay tiền bà T có trả được số tiền 4.000.000 đồng vào tháng 8 năm 2022 và tháng 10 năm 2022. Ông nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T có tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Bà T vay tiền trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Tứ H nên ông yêu cầu ông Nguyễn Tứ H có nghĩa vụ cùng

bà T trả cho ông. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Cao Thị Cẩm T và ông Nguyễn Tứ H cùng trả số tiền 126.000.000 đồng và lãi suất với mức lãi suất 1,66% tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

- Tại đơn trình bày ý kiến ngày 10 tháng 8 năm 2023 bị đơn ông Nguyễn Tứ H trình bày: Đối với nội dung khởi kiện của ông S, ông không đồng ý trả tiền cho ông S. Ông và bà T chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống với bà T, do ông là con út nên ông và bà T chung sống với cha mẹ ruột ông tại Khóm 7, thị t, huyện P, tỉnh C . nên mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do cha mẹ ruột ông lo cho vợ chồng ông, bà T không phải lo bất cứ thứ gì. Bà T vay tiền của ông S, ông không biết và ông không có ký bất cứ giấy tờ gì vay tiền của ông S, bà T vay tiền của ông S không sử dụng vào sinh hoạt trong gia đình vì mọi chi tiêu trong gia đình do cha mẹ ruột ông lo liệu. Do ông không có vay tiền của ông S nên ông S yêu cầu ông cùng bà T trả tiền ông không đồng ý cùng bà T trả tiền cho ông S, bà T vay tiền của ông S thì bà T có trách nhiệm tự trả cho ông S.

- Bị đơn bà Cao Thị Cẩm T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng bà T vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Việt S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tứ H, bà Cao Thị Cẩm T trả tiền vay và lãi suất. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Tứ H, bà Cao Thị Cẩm T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tứ H, bà Cao Thị Cẩm T.

[3]. Tại phiên tòa ông S cho rằng bà Cao Thị Cẩm T có vay số tiền 130.000.000 đồng, sau khi vay bà T đã trả được 4.000.000 đồng; ông S yêu cầu ông H, bà T trả số tiền 126.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận tính từ khi vay cho đến khi xét xử sơ thẩm. Đối với bà Cao Thị Cẩm T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để xét xử nhưng bà T không cung cấp lời khai cho Tòa án và không có ý kiến đối với yêu cầu của ông S. Theo biên nhận nợ ngày 01 tháng 4 năm 2022 do ông S cung cấp có chữ ký của bà Cao Thị Cẩm T thể hiện bà T có vay của ông S số tiền 130.000.000 đồng, sau đó bà T trả được 4.000.000 đồng nên ông S yêu cầu bà Cao thị Cẩm Tiên trả số tiền gốc 126.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về lãi suất: Lãi suất thỏa thuận giữa ông S với bà Cao Thị Cẩm T mỗi tháng 1,66% phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Lãi tháng là 1,66%, lãi ngày là 0,055%. Ngày bà T vay tiền của ông S là ngày 01 tháng 4 năm 2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28 tháng 9 năm 2023 là 17 tháng 27 ngày. Như vậy tiền lãi sẽ là $(126.000.000đ \times 17 \text{ tháng} \times 1,66\%) + (126.000.000đ \times 27 \text{ ngày} \times 0.055\%) = 37.428.300 \text{ đồng}$. Như vậy tổng gốc và lãi với số tiền 163.428.300 đồng.

[5]. Đối với việc ông S yêu cầu ông Nguyễn Tứ H cùng bà Cao Thị Cẩm T trả nợ cho ông S: Tại phiên tòa ông S cho rằng bà Cao Thị Cẩm T vay tiền ông trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Tứ H và bà T vay tiền sử dụng chung trong gia đình nên ông yêu cầu ông H có nghĩa vụ cùng bà T trả tiền cho ông. Tại đơn trình bày ý kiến ngày 10 tháng 8 năm 2023 ông Nguyễn Tứ H cho rằng ông và bà T chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn; ông và bà T chung sống với cha mẹ ruột ông nên mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do cha mẹ ruột ông lo cho vợ chồng ông, bà T không phải lo bất cứ thứ gì nên bà T vay tiền của ông S bà T có trách nhiệm trả cho ông S, ông không đồng ý cùng bà T trả tiền cho ông S. Xét thấy, khi khởi kiện ông S cung cấp sổ hộ khẩu gia đình của ông H thể hiện ông H là chủ hộ và sổ hộ khẩu gia đình của ông H có 04 thành viên gồm ông H, bà T và hai người con của ông H bà T. Ông H cho rằng vợ chồng không có đăng ký kết hôn và vợ chồng chung sống với gia đình cha mẹ ruột của ông và kinh tế gia đình do cha mẹ ruột ông chu cấp nhưng ông H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên lời trình bày của ông H không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H nhiều lần để tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông H không tham gia hòa giải, xét xử để đối chất với ông S. Do đó, có cơ sở xác định bà T vay tiền của ông S để sử dụng vào nhu cầu thiết yếu trong gia đình và bà T nợ ông S trong thời gian ông H và bà T chung sống với nhau nên ông H có nghĩa vụ cùng bà T trả cho ông S số tiền tổng gốc và lãi là 163.428.300 đồng.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Việt S được chấp nhận nên ông S không phải chịu án phí, ông S nộp tiền tạm ứng án phí 3.967.000 đồng được nhận lại. Ông Nguyễn Tứ H, bà Cao Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.171.415 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Việt S. Buộc ông Nguyễn Tứ H, bà Cao Thị Cẩm T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền

163.428.300 đồng (một trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn ba trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Việt S không phải chịu án phí, ông S đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.967.000 đồng (ba triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019124 ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; Ông S được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Tứ H, bà Cao Thị Cẩm T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.171.415 đồng (tám triệu một trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm mười lăm đồng).

Án xử sơ thẩm, ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Tứ H, bà Cao Thị Cẩm T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Triều